

THÔNG BÁO

**V/v niêm yết công khai Danh mục dịch vụ công trực tuyến
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Tỉnh Châu**

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt và rút ngắn thời gian giải quyết đối với Danh mục dịch vụ công trực tuyến, Danh mục dịch vụ công trực tuyến thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh.

UBND xã Tỉnh Châu thông báo về việc niêm yết công khai Danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, cụ thể:

1. Thông tin niêm yết

Danh mục dịch vụ công trực tuyến: gồm 51 thủ tục (*đính kèm Thông báo*)

2. Địa điểm niêm yết

Tại trụ sở UBND xã và trên Trang thông tin điện tử xã Tỉnh Châu

3. Các công chức: Văn phòng - Thống kê, Văn hóa - Xã hội, Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch UBND xã triển khai thực hiện Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo đúng quy trình, quy định.

4. Gỡ bỏ niêm yết đối với Danh mục Dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã theo thông báo số 61a/TB-UBND ngày 29/7/2022 của UBND xã.

UBND xã thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (b/c);
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Mặt trận và các hội đoàn thể;
- Công chức VH-XH;
- Các thôn;
- Lưu: VT, HS_{KSTTHC}

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Lâm

DANH MỤC
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ TỈNH CHÂU
(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2023 của UBND xã Tịnh Châu)

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng trực tuyến (THTĐ)		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
1. Lĩnh vực hộ tịch								
1	2.000635.000.00.00.H48	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Toàn trình	X				Cổng dịch vụ công tỉnh Quảng Ngãi, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh
2	2.002516.000.00.00.H48	Xác nhận thông tin hộ tịch (thực hiện ở 3 cấp tỉnh, huyện, xã)	Toàn trình	X				
3	1.004873.000.00.00.H48	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Toàn trình	X				
4	1.001193.000.00.00.H48	Đăng ký khai sinh	Một phần					
5	1.000656.000.00.00.H48	Đăng ký khai tử	Một phần					
6	1.003583.000.00.00.H48	Đăng ký khai sinh lưu động	Một phần					
7	1.000593.000.00.00.H48	Đăng ký kết hôn lưu động	Một phần					
8	1.000419.000.00.00.H48	Đăng ký khai tử lưu động	Một phần					
9	1.004837.000.00.00.H48	Đăng ký giám hộ	Một phần					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng trực tuyến (THTĐ)		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
10	1.004845.000.00.00.H48	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Một phần					
11	1.004859.000.00.00.H48	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Một phần					
12	1.004884.000.00.00.H48	Đăng ký lại khai sinh	Một phần	X				
13	1.004772.000.00.00.H48	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Một phần	X				
14	1.004746.000.00.00.H48	Đăng ký lại kết hôn	Một phần	X				
15	1.005461.000.00.00.H48	Đăng ký lại khai tử	Một phần	X				
16	1.000894.000.00.00.H48	Đăng ký kết hôn	Một phần					
17	1.001022.000.00.00.H48	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Một phần	X				
2. Lĩnh vực chứng thực								
18	2.000908.000.00.00.H48	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Toàn trình	X				
19	2.000942.000.00.00.H48	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Một phần	X				
20	2.000815.000.00.00.H48	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Một phần	X				

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng trực tuyến (THTĐ)		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
21	2.001035.000.00.00.H48	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Một phần	X				
22	2.001019.000.00.00.H48	Thủ tục chứng thực di chúc	Một phần	X				
23	2.001016.000.00.00.H48	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Một phần	X				
24	2.001406.000.00.00.H48	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Một phần	X				
25	2.001009.000.00.00.H48	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Một phần	X				
26	2.000884.000.00.00.H48	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Một phần	X				
27	2.000913.000.00.00.H48	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Một phần	X				
28	2.000927.000.00.00.H48	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Một phần	X				
3. Lĩnh vực người có công								
29	1.004964.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia	Một phần					
30	1.010833.000.00.00.H48	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Toàn trình					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng trực tuyến (THTĐ)		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
31	1.010801.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Một phần					
32	1.010802.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Một phần					
33	1.010803.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Một phần					
34	1.010804.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Một phần					
35	1.010811.000.00.00.H48	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Một phần					
36	1.010814.000.00.00.H48	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Một phần					
37	1.010816.000.00.00.H48	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Một phần					
38	1.010817.000.00.00.H48	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Một phần					
39	1.010818.000.00.00.H48	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Một phần					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng trực tuyến (THTĐ)		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
40	1.010819.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Một phần					
41	1.010820.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Một phần					
42	1.010824.000.00.00.H48	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Một phần					
43	2.002307.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Một phần					
44	2.002308.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Một phần					
45	1.001257.000.00.00.H48	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Một phần					
46	1.001653.000.00.00.H48	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Toàn trình					

Stt	Mã TTHC	Tên dịch vụ hành chính công	Mức độ DVCTT	Nghĩa vụ tài chính (Phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền)		Thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng trực tuyến (THTĐ)		Phần mềm tiếp nhận
				Có	Không	Có	Không	
4. Lĩnh vực văn hóa								
47	2.000794.000.00.00.H48	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Toàn trình					
5. Lĩnh vực phòng chống thiên tai								
48	2.002162.000.00.00.H48	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	Một phần					
49	2.002161.000.00.00.H48	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Một phần					
6. Lĩnh vực trẻ em								
50	2.001942.000.00.00.H48	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Một phần					
7. Lĩnh vực bảo trợ xã hội								
51	2.000751.000.00.00.H48	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Một phần					